TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 27-02-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1979

ĐKHKTT: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị M có mặt, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là chị Hoàng Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân K kết hôn với nhau là dotự nguyện và được đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 02/12/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được

khoảng 08 năm tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K nhiều lần đi uống rượu về chửi bới xúc phạm và đánh đuổi chị ra khỏi nhà, chị cũng đã khuyên nhủ nhưng anh K không nghe, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 10/2017 anh K lại tiếp tục đánh đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà nên chị đã đưa các cháu về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay anh K cũng đến tìm chị về đoàn tụ và hứa sẽ thay đổi, song thực chất đã nhiều lần anh K hứa nhưng không thực hiện được nên vợ chồng sống mỗi người một nơi, đồng thời cũng cắt đứt mọi quan hệ. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Xuân K trình bày: Sau khi kết hôn anh và chị M chung sống hòa thuận được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào anh không nhớ mà chỉ có vài lần vợ chồng xảy ra cãi nhau thì anh có đánh chị M, hiện nay anh và chị M đang sống ly thân. Nay chị M xin ly hôn, anh mong muốn Tòa án tiến hành hòa giải để chị M suy nghĩ rút đơn về, anh sẽ đi làm xa và vợ chồng tạm thời sống ly thân để hai bên tìm biện pháp tháo gỡ để hàn gắn hạnh phúc gia đình, nếu chị M kiên quyết ly hôn thì việc đó là quyền của chị M còn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/9/2004 và Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 12/9/2011, hiện nay các cháu đang ở với chị M. Quan điểm của chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, chị tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con. Quan điểm của anh K nếu chị M kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý giao các cháu cho chị M nuôi dưỡng.

Về tài sản chung; vay, nợ chung: Chị M và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh K; đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con. Ngoài ra chị không đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân K. Về con chung: Giao cho chị M được trực tiếp nuôi

dưỡng hai cháu là Hoàng Thị N, sinh ngày 03/9/2004 và Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 12/9/2011, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không buộc anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết.Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Xuân K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Xuân K được kết hôn từ năm 2003, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng nhiều lần anh K chửi bới xúc phạm và đánh chị M, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên không có hạnh phúc và không có sự tin yêu quý trọng lẫn nhau. Tháng 10/2017 do mâu thuẫn vợ chồng anh K đã đuổi chị M ra khỏi nhà, chị M phải đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh K có nguyện vọng đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để chị M suy nghĩ rút đơn về vợ chồng đoàn tụ. Song Tòa án đã nhiều lần thông báo,triệu tập anh K đến trụ sở Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt.Việc đó chứng tỏ bản thân anh K có ý thức khước bỏ cuộc hôn nhân của mình mà không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ quan điểm được ly hôn anh K. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị M được ly hôn anh K là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con, còn anh K vắng mặt tại phiên tòa, song trong giai đoạn thu thập chứng cứ anh K trình bày nếu chị M cố tình xin ly hôn thì anh cũng đồng ý giao các con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa xét thấy nguyện vọng trên của hai bên là chính đáng, mặt khác hiện các cháu đang ở với chị M và nguyện vọng của cháu cũng xin được ở với chị M. Do đó chấp nhận nguyện vọng của hai bên giao cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/9/2004 và Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 12/9/2011 là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; nợ chung: Hai bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân K.

- Về con chung: Giao cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/9/2004 và Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 12/9/2011.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; vay, nợ chung: Hai bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/0002016/1308 ngày 26/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, chị M đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thụy